

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **168/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-9-2025

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;

2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Hoàng Sa là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lưu Thị L, sinh năm 1966; *Vắng mặt.*

- Bị đơn: ông Trương Thanh T, sinh năm 1957; *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn B, xã X, thành phố Đà Nẵng (thuộc thôn B, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2025, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - bà Lưu Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông Trương Thanh T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức hôn lễ và chung sống với nhau từ năm 1983 đến nay, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà L, ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T có hành vi bạo lực, thường xuyên đập phá đồ đạc và chửi bới bà L, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay bà L thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: bà L và ông T có hai con chung tên Trương Thị Kim N, sinh năm 1984 và Trương Thị Hồng G, sinh năm 1986. Hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn, ông Trương Thanh T: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ: nguyên đơn - bà L nộp: 01 Đơn xin xác nhận của Ủy ban nhân dân xã X (nay là Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đà Nẵng); 03 bản sao Căn cước công dân của bà L, chị N, chị G; 01 bản xác nhận thông tin về cư trú của ông Trương Thanh T.

Tòa án thu thập: 01 biên bản xác minh ngày 06/5/2025, Ủy ban nhân dân xã X (nay là xã X) cho biết: nguyên nhân mâu thuẫn trong hôn nhân của bà L và ông T là do không hợp tính nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã; biên bản xác minh ngày 06/5/2025, Công an xã X (nay là xã X) cho biết: ông T có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn B, xã X, thành phố Đà Nẵng) và hiện đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng vẫn về địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Lưu Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn - ông Trương Thanh T có nơi cư trú tại: thôn B, xã X, thành phố Đà Nẵng (thuộc thôn B, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cũ). Bà L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 81/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Lưu Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn - ông Trương Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông T được xác lập năm 1983, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối nhưng không có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân thực tế nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống, bà L và ông T đã phát sinh mâu thuẫn do ông T có hành vi bạo lực, thường xuyên đập phá đồ đạc, chửi bới bà L. Nay bà không còn tình cảm với ông T và xin ly hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L vẫn cương quyết xin ly hôn, còn ông T không tham gia các phiên hòa giải, không tham gia các phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[2.2]. Về con chung: bà L và ông T có hai con chung tên Trương Thị Kim N, sinh năm 1984 và Trương Thị Hồng G, sinh năm 1986. Hiện nay, các con của ông, bà đều đã trưởng thành, đủ khả năng lao động và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Lưu Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 85, Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10

ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; Luật số 81/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị L đối với ông Trương Thanh T về việc “*Tranh chấp về ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Lưu Thị L và ông Trương Thanh T.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng bà Lưu Thị L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà L đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010737 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Đà Nẵng).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Châu Thị Kim Phượng